TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Cao Thanh Nam - *Kiểm sát viên*

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về "*tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà H tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Văn T từ năm 1991 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông T có phần gia trưởng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung được nữa nên bà H xin ly hôn với ông T

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/6/1992. Hiện con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra bà H không mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Bà H và ông T không có tài sản chung

- Về nợ chung: Không có

Ngoài ra không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày:

Ông T thống nhất thời gian sống chung, kết hôn với bà Nguyễn Thị Thu H. Theo ông T trong thời gian sống chung vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì, chỉ từ giữa năm 2022 đến nay ông T đi làm ăn xa, lâu lâu mới về nên bà H đã ngoại tình, có mối quan hệ khác bên ngoài. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì mặc dù ông cũng không còn tình cảm với bà H nhưng bà H chưa ly hôn đã ngoại tình nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất có 01 con chung như bà H trình bày. Hiện con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Ông T và bà H có nợ ông Nguyễn Công Gi số tiền 370.000.000đ, đã trả 110.000.000đ, còn nợ lại 260.000.000đ. Ông T yêu cầu bà H trả 130.000.000đ, ông T trả 130.000.000đ cho ông G

Ông T có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét

+ Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không đề nghị xem xét.

+ Về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông T cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 19/6/2022 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa ông T vắng mặt, căn cứ lời khai của ông T trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của bà H tại phiên tòa thì giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà H cho rằng do bất đồng quan điểm sống, ông T có phần gia trưởng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông T thì cho rằng bà H ly hôn vì ngoại tình nhưng không có căn cứ chứng minh. Mặt khác khi phát sinh mâu thuẫn đến nay các bên vẫn chưa hàn gắn được, ông T cũng không có mặt khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà H xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống chung, ông T cũng thừa nhận hiện không còn tình cảm với bà H. Như vậy có cở sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992, đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H khai bà và ông T không có nợ ai. Quá trình giải quyết vụ án ông T khai hiện có nợ ông Nguyễn Công G số tiền 260.000.000đ và yêu cầu bà H trả ½ là 130.000.000đ. Tuy nhiên bà H không thừa nhận, ông T không cung cấp được địa chỉ của ông G để Tòa án tiến hành làm việc nên không có cơ sở để giải quyết về nợ chung trong vụ án. Trường hợp có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về nợ chung giữa bà H và ông T, Tòa án sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Đã trưởng thành

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Bà H chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010267 ngày 13/02/2023.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên